

Bản án số: 52/2025/HS-ST
Ngày 16-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương.

Bà Nguyễn Thị Minh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 15/TB-TA ngày 08 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. [Đào Thị Huyền T](#), sinh ngày 06/9/1998; tên gọi khác: Không có; nơi đăng ký thường trú: [thôn V, xã G, huyện G \(nay là xã Đ\), tỉnh Ninh Bình; nơi ở: số A P, phường V, Quận N \(nay là Phường N\), thành phố Hải Phòng](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông [Đào Hồng S](#), sinh năm: 1975 và bà [Đông Thị H](#), sinh năm: 1975; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/4/2025, đến ngày 09/4/2025 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. [Nguyễn Thị Mỹ D](#), sinh ngày 07/11/2000; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: [thôn I, xã X, huyện X, \(nay là xã X\), tỉnh Ninh Bình](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông [Nguyễn Văn C](#), sinh năm: 1970 và bà [Phạm Thị Đ](#), sinh năm: 1974; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/4/2025, đến ngày 09/4/2025 chuyển tạm giam. Có mặt.

3. [Nguyễn Thị Phương T1](#), sinh ngày 26/6/2000; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: [số B đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định \(nay là phường](#)

[T, tỉnh Ninh Bình](#)); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông [Nguyễn Công P](#), sinh năm 1975 và bà [Trịnh Thị T2](#), sinh năm 1975; có chồng là [Trần H1](#), sinh năm: 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/4/2025, đến ngày 09/4/2025 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. [Vũ Thị Thanh T3](#), sinh ngày 28/10/1998; tên gọi khác: Không có; nơi đăng ký thường trú: [thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương \(nay là xã K, thành phố Hải Phòng\)](#); nơi ở: [số A P, phường V, Quận N \(nay là Phường N\), thành phố Hải Phòng](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông [Vũ Văn T4](#), sinh năm 1972 và bà [Nguyễn Thị C1](#), sinh năm 1977; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/4/2025, đến ngày 09/4/2025 chuyển tạm giam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, [Đào Thị Huyền T](#) và [Vũ Thị Thanh T3](#) cùng thuê nhà [số A P](#) để làm nơi sinh hoạt. Đến tháng 3/2025 thì [Nguyễn Thị Phương T1](#) là bạn của [T](#) đến ở nhờ. Khoảng 21 giờ ngày 31/3/2025, [T](#) nảy sinh ý định mua ma túy Ketamine về để sử dụng nên đã liên lạc với một nam giới tên là [C](#) (chưa rõ căn cước, lý lịch) hỏi mua 01 gam Ketamine và được [C](#) báo giá là 1.000.000 đồng. [T](#) đồng ý và hẹn mang ma túy đến nhà [số A P](#) để giao cho [T](#). Khoảng 30 phút sau, [C](#) đến nhà trọ thì gặp [T](#) và [T1](#). [C](#) lấy ra 01 túi nilon chứa Ketamine và bảo [T](#) là trong túi có 02 gam Ketamine, nếu [T](#) mua 01 gam thì [C](#) sẽ chia ra. [T](#) nói mua 01 gam Ketamine rồi đưa cho [C](#) 500.000 đồng và nợ lại 500.000 đồng. Thấy vậy, [T1](#) bảo [C](#) bán nợ cho [T1](#) 01 gam ma túy Ketamine còn lại, khi có tiền [T1](#) trả sau. [C](#) đồng ý và đưa túi nilon chứa 02 gam Ketamine cho [T, T1](#). Cùng lúc đó, [T3](#) cũng đang ở nhà trọ và hỏi mua nợ của [C](#) 01 gam Ketamine. [C](#) đã bán cho [T3](#) 01 gam Ketamine rồi đi về. [T3](#) mang túi Ketamine này cất giấu tại phòng ngủ của [T3](#) để sau khi đi làm về sẽ sử dụng.

Sau khi mua được ma túy, [T](#) và [T1](#) thống nhất góp chung Ketamine để cùng nhau sử dụng. [T](#) đổ hết Ketamine trong túi nilon vào 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, dùng bật lửa nghiền nhỏ rồi đổ một nửa vào 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và cắt ống hút nhựa để làm dụng cụ sử dụng ma túy. [T](#) và [T1](#) lần lượt tự lấy ống hút để hít Ketamine trong tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi sử dụng hết số ma túy trong tờ tiền 1.000 đồng thì [T](#) đến quán Karaoke “[Đ1](#) hẻm 87” ở [đường L, Quận N \(nay là phường G\), thành phố Hải Phòng](#) để làm nhân viên phục vụ.

Khoảng 02 giờ ngày 01/4/2025, [T](#) đi làm về thì thấy [T1](#) đang nằm ngủ và tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng chứa ma túy còn lại, ống hút, bật lửa vẫn để trên bàn nên

gọi T1 dậy để cả hai cùng tiếp tục sử dụng ma túy. Lúc này, T3 gọi điện cho T1 báo bạn của T3 là D sẽ đến chơi nên T nói với T1 sẽ mua thêm ma túy. T liên lạc với một nam giới tên là M (chưa rõ căn cước, lý lịch) hỏi mua 2.000.000 đồng Ketamine và hẹn mang đến nhà trọ để giao cho T, M đồng ý. Khi T, T1 đang sử dụng ma túy thì T3, D đi vào phòng ngủ của T thì T nói: “*Có K ở trên bàn, chơi thì lấy*”, nghĩa là mời T3 và D sử dụng ma túy. D ở lại còn T3 về phòng lấy túi Ketamine mua của C trước đó đổ ra đĩa sứ đánh mịn, cho vào 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng rồi mang sang phòng của T đổ hết vào tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng chứa Ketamine của T, T1 với mục đích góp ma túy để cả nhóm cùng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, T3 về phòng ngủ còn T, T1 và D tiếp tục sử dụng ma túy. Khoảng 05 phút sau, M đến đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng chứa Ketamine và nhận 2.000.000 đồng từ T rồi đi về. Khi sử dụng gần hết số ma túy trong tờ tiền 2.000 đồng lúc đầu, D nói với T “*Gần hết rồi, xem gọi thêm đi*”, nghĩa là bảo T tìm chỗ mua thêm Ketamine để sử dụng tiếp. Nghe vậy, T lấy ra tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy vừa mua của M để cả bọn sử dụng tiếp. D và T thống nhất mỗi người sẽ thanh toán 1.000.000 đồng cho số ma túy này. T dùng bật lửa nghiền nhỏ ma túy rồi đổ một nửa vào tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng mà cả nhóm sử dụng ma túy trước đó, còn tờ tiền 2.000 đồng chứa số ma túy K1 còn lại T đưa cho T1 để ở đầu giường. T, T1 và D sử dụng Ketamine đến khoảng hơn 05 giờ cùng ngày thì hết số ma túy trong 01 tờ tiền 2.000 đồng rồi nằm ngủ.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/4/2025, T, T1, D ngủ dậy và cả ba đang cùng tiếp tục sử dụng ma túy trong tờ tiền 2.000 đồng còn lại đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Cơ quan Công an thu giữ trong phòng ngủ tầng 2 của T: 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng bên trên có chứa chất bột màu trắng (mẫu QT1), 01 ống hút nhựa màu đen bên trong còn bám dính chất bột màu trắng (mẫu QT2), 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bên trong còn bám dính chất bột màu trắng (mẫu QT3), 01 bật lửa gas, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của T3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh của D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám của T1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khẩn cấp chỗ ở của Vũ Thi Thanh T3, thu giữ phía dưới bàn phấn trong phòng ngủ của T3: 01 ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng bên trong có bám dính chất bột màu trắng (mẫu KX1), 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 20cm, bề mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng (mẫu KX2) và 01 thẻ nhựa màu cam, bề mặt có chữ “HERMES”.

Tại bản kết luận giám định số 212/KL-KTHS ngày 07/4/2025 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận:

“5.1. Chất bột màu trắng của mẫu QT1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,21 gam, loại: Ketamine.

5.2. Chất bột màu trắng bám dính trong đoạn ống hút nhựa của mẫu QT2 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính.

5.3. Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền 1.000 đồng của mẫu QT3 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính.

5.4. Chất bột màu trắng bám dính trong ống cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng của mẫu KX1 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính.

5.5. Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ của mẫu KX2 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính”

Kết quả xét nghiệm nước tiểu ngày 01/4/2025 của [Đào Thị Huyền T](#), [Vũ Thị Thanh T3](#) xác định dương tính với chất ma túy Ketamine và [M1](#); của [Nguyễn Thị Mỹ D](#) và [Nguyễn Thị Phương T1](#) dương tính với chất ma túy Ketamine.

Ngoài ra, [T3](#) còn khai: khoảng 13 giờ ngày 01/4/2025, [T3](#) gọi cho [C](#) và mua nợ thêm 01 gam Ketamine với giá 1.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, [T3](#) đã sử dụng hết một mình tại phòng ngủ bằng cách dùng thẻ nhựa đánh mịn, đổ ra đĩa sứ và cuộn tờ tiền 10.000 đồng thành ống hút để hít vào cơ thể. [T3](#) không nhớ để tờ tiền 2.000 đồng và 5.000 đồng sau khi sử dụng hết ma túy ở đâu.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSKV3 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo [Đào Thị Huyền Trang](#) và [Nguyễn Thị Mỹ D](#) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b, d khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo [Nguyễn Thị Phương T1](#) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo [Vũ Thị Thanh T3](#) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b, d khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm a, b, d khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo [Đào Thị Huyền T](#) từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Mỹ D](#) từ 10 đến 11 năm tù

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Phương T1](#) từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù;

- Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo [Vũ Thị Thanh T3](#) từ 09 đến 09 năm 06 tháng tù;

Ngoài ra còn đề nghị các vấn đề xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an quận N](#), [Công an thành phố H](#), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền (nay là VKSND khu vực 3), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với bản kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[2.1] Đối với [Đào Thị Huyền T](#) là người mua ma túy loại Ketamine, chuẩn bị các dụng cụ, cung cấp địa điểm đề 03 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 03 người là [T1](#), [T3](#), [D. T](#) cũng biết [T1](#) đang có thai nên đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a (Phạm tội 02 lần trở lên), b (Đối với 02 người trở lên) và d (Đối với phụ nữ mà biết là có thai) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với [Nguyễn Thị Mỹ D](#) là người mua ma túy loại Ketamine góp cùng [T](#), [T1](#) đề 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 02 người là [T](#), [T1](#). [D](#) cũng biết [T1](#) đang có thai nên đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a (Phạm tội 02 lần trở lên), b (Đối với 02 người trở lên) và d (Đối với phụ nữ mà biết là có thai) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Đối với [Nguyễn Thị Phương T1](#) là người mua ma túy loại Ketamine góp cùng [T](#) đề 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 03 người là [T](#), [T3](#), [D](#). Do vậy, [T1](#) đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a (Phạm tội 02 lần trở lên), b (Đối với 02 người trở lên) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự

[2.4] Đối với [Vũ Thị Thanh T3](#) là người mua ma túy loại Ketamine góp cùng [T](#), [T1](#), cung cấp địa điểm để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần cho 03 người là [T](#), [T1](#), [D. T3](#) cũng biết [T1](#) đang có thai nên đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b (Đối với 02 người trở lên) và d (Đối với phụ nữ mà biết là có thai) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất gây nghiện, các chất hướng thần, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn. Vì vậy các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “thành khẩn khai báo”. Ngoài ra, thời điểm phạm tội bị can [T1](#) đang mang thai 32 tuần nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo [T](#) có ông nội là [Đào Văn C2](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và bị cáo [D](#) có ông nội là [Nguyễn Văn N](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công giải phóng hạng ba nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Về vai trò của các bị cáo và hình phạt chính:

[5.1] Đây là vụ án có đồng phạm. Trong đó bị cáo [Đào Thị Huyền T](#) là người mua ma túy, chuẩn bị các dụng cụ, cung cấp địa điểm để 03 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên được xác định là kẻ chủ mưu đồng thời thực hành tích cực nên phải chịu mức án cao nhất. Bị cáo [Nguyễn Thị Mỹ D](#) là người mua ma túy góp cùng [T](#), [T1](#) để 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 02 người nên được xác định là kẻ giúp sức đồng thời thực hành tích cực; phạm tội với 03 tình tiết định khung nên phải chịu mức án cao thứ 2. Bị cáo [T1](#) và bị cáo [T3](#) đều là kẻ giúp sức, thực hành; phạm tội với 02 tình tiết định khung. Bị cáo [T1](#) có vai trò cao hơn bị cáo [T3](#) khi tổ chức 02 lần nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo [T3](#), hơn nữa lại đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên hai bị cáo [T3](#) và [T1](#) chịu mức án ngang nhau là phù hợp.

[5.2] Căn cứ vào những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mức án Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 đề nghị xử phạt đối với các bị cáo là tương đối phù hợp, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, bắt các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.3] Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 212MT/PC09 và phong bì niêm phong số 212MT-B/PC09 của [Phòng K2 - Công an thành phố H](#) là vật nhà nước cấm lưu hành; 01 đĩa sứ, 01 bát lửa gas, 01 thẻ nhựa màu cam bề mặt có chữ “HERMES” là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.2] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của [T](#) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng thu giữ của [T3](#) là vật các bị cáo liên lạc với [C](#) để mua ma túy nên tịch thu sung công quỹ

[6.3] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của [D](#); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám thu giữ của [T1](#) là vật dụng hàng ngày của bị cáo, không liên quan hành vi phạm tội nên trả lại nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án

[6.4] 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng là tiền do Nhà nước phát hành, bị cáo cuộn lại dùng làm ống hít ma túy nên tịch thu sung công quỹ.

[7] Về một số vấn đề khác:

[7.1] Đối với nam giới tên [C](#) và [M](#) là những người bán ma túy cho các bị cáo, quá trình điều tra chưa làm rõ được căn cước, lý lịch nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã ra yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an thành phố H](#) thụ lý nguồn tin về tội phạm để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý.

[7.2] Đối với chị [Lương Thị N1](#) - sinh năm 1988, nơi cư trú: [số A Đà Nẵng, Phường N, thành phố Hải Phòng](#) là chủ nhà trọ số 1/133 Phương Lưu, do không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy nên không xem xét xử lý

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b, d (đối với bị cáo [Đào Thị Huyền T](#) và [Nguyễn Thị Mỹ D](#)); điểm a, b (đối với bị cáo [Nguyễn Thị Phương T1](#)); điểm b, d (đối với bị cáo [Vũ Thị Thanh T3](#)) khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47; điểm s (bị cáo [T1](#) thêm điểm n) khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo [T](#), [D](#)); Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo [Đào Thi Huyền Trang Nguyễn Thị Mỹ D Nguyễn Thị Phương T1](#) và [Vũ Thị Thanh T3](#) đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo [Đào Thi Huyền T](#) 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2025

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Mỹ D](#) 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2025

Xử phạt bị cáo [Vũ Thị Thanh T3](#) 8,6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2025

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Phương T1](#) 8,6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Khi chấp hành án trừ cho bị cáo 09 ngày đã bị tạm giữ trước đó từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 212MT/PC09 và phong bì niêm phong số 212MT-B/PC09 của [Phòng K2 - Công an thành phố H](#) là vật nhà nước cấm lưu hành; 01 đĩa sù; 01 bật lửa gas; 01 thẻ nhựa màu cam, bề mặt có chữ “HERMES”.

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của [T](#) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng thu giữ của [T3](#).

- Trả lại cho bị cáo [D](#) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh; trả lại cho bị cáo [T1](#) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Bị cáo [D](#) và bị cáo [T1](#) sẽ được nhận lại điện thoại nêu trên sau khi thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm.

- Tịch thu sung công quỹ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng được niêm phong trong phong bì số niêm phong 212MT-C/PC09 và 212MT-A/PC09.

(theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 15/8/2025 giữa [Công an thành phố H](#) và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hải Phòng)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo [Đào Thi Huyền T](#), [Nguyễn Thị Mỹ D](#), [Vũ Thị Thanh T3](#) và [Nguyễn Thị Phương T1](#) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND khu vực 3 - Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Phòng THA DS khu vực 3 - Hải Phòng;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định

